1. Actor Quản Lý Cửa Hàng
2. Quản lý nhân viên (UC22)
   1. Đặc tả use case

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use case 22** | **Quản lý nhân viên** | |
| **Mục tiêu** | Theo dõi tài khoản và hoạt động của nhân viên trên hệ thống | |
| **Mức** | 1 | |
| **Điều kiện tiên quyết** | Quản lý cửa hàng đăng nhập tài khoản admin quyền cao nhất thành công | |
| **Điều kiện thành công** | Quản lý cửa hàng xem được tất cả thông tin về các nhân viên hiện đang làm | |
| **Điều kiện thất bại** | Quản lý cửa hàng không xem được tất cả thông tin về các nhân viên hiện đang làm | |
| **Tác nhân** | Quản lý cửa hàng | |
| **Điều kiện kích hoạt** | Bấm chọn chức năng quản lý nhân viên | |
| **Luồng sự kiện** | **Bước** | **Hành động** |
| 1 | Quản lý cửa hàng chọn chức quản lý nhân viên |
| 2 | Hệ thống truy vấn thông tin các nhân viên hiện đang làm việc tại cửa hàng |
| 3 | Hệ thống hiển thị các nhân viên đang có trong cửa hàng |
| 4 | UC kết thúc |
| **Luồng thay thế** | **Bước** | **Hành động rẽ nhánh** |
| **Các hình thức khác** |  | |

* 1. Biểu đồ Activity

Diagram

Description automatically generated

* 1. Biểu đồ Sequence

Diagram

Description automatically generated

1. Thêm tài khoản cho nhân viên (UC23)
   1. Đặc tả use case

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use case 23** | **Thêm tài khoản cho nhân viên** | |
| **Mục tiêu** | Thêm thành công tài khoản cho nhân viên vào hệ thống | |
| **Mức** | 2 | |
| **Điều kiện tiên quyết** | Quản lý cửa hàng đăng nhập tài khoản admin quyền cao nhất thành công | |
| **Điều kiện thành công** | Tài khoản được thêm được thêm thành công vào hệ thống | |
| **Điều kiện thất bại** | Tài khoản không được thêm vào hệ thống | |
| **Tác nhân** | Quản lý cửa hàng | |
| **Điều kiện kích hoạt** | Bấm chọn chức năng thêm tài khoản cho nhân viên | |
| **Luồng sự kiện** | **Bước** | **Hành động** |
| 1 | Quản lý chọn chức năng thêm tài khoản cho nhân viên |
| 2 | Hệ thống thêm tài khoản mới |
| 3 | Hệ thống hiển thị tài khoản vừa được thêm ở quản lý nhân viên |
| 4 | UC kết thúc |
| **Luồng thay thế** | **Bước** | **Hành động rẽ nhánh** |
|  | 2a | Tài khoản vừa được thêm đã tồn tại trong hệ thống:               2a1. Thông báo thêm tài khoản thất bại do tài khoản đã tồn tại |
| **Các hình thức khác** |  | |

* 1. Biểu đồ Activity

Diagram

Description automatically generated

* 1. Biểu đồ Sequence

Diagram

Description automatically generated

1. Xoá tài khoản cho nhân viên (UC24)
   1. Đặc tả use case

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use case 24** | **Xóa tài khoản cho nhân viên** | |
| **Mục tiêu** | Xóa thành công tài khoản của nhân viên trong hệ thống | |
| **Mức** | 2 | |
| **Điều kiện tiên quyết** | Quản lý cửa hàng đăng nhập tài khoản admin quyền tối cao thành công | |
| **Điều kiện thành công** | Quản lý cửa hàng xóa được tài khoản các nhân viên hiện được chọn | |
| **Điều kiện thất bại** | Quản lý cửa hàng không xóa được tài khoản các nhân viên hiện được chọn | |
| **Tác nhân** | Quản lý cửa hàng | |
| **Điều kiện kích hoạt** | Bấm chọn chức năng xóa tài khoản nhân viên | |
| **Luồng sự kiện** | **Bước** | **Hành động** |
| 1 | Quản lý chọn chức năng xóa tài khoản nhân viên |
| 2 | Hệ thống phản hồi xác nhận xác nhận xóa hay không |
| 3 | Quản lý xác nhận |
| 4 | Hệ thống đưa tài khoản vừa được xác nhận vào thùng rác |
| 5 | UC kết thúc |
| **Luồng thay thế** | **Bước** | **Hành động rẽ nhánh** |
| 3a | Quản lý chọn hoàn tác:           3a1. Hệ thống hiển thị thông báo cho người quản lý hoàn tác thành công |
| **Các hình thức khác** |  | |

* 1. Biểu đồ Activity

Diagram

Description automatically generated

* 1. Biểu đồ Sequence

Diagram

Description automatically generated

1. Quản lý thành viên (UC25)
   1. Đặc tả use case

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use case 25** | **Quản lý khách hàng** | |
| **Mục tiêu** | Theo dõi tài khoản và hoạt động của thành viên trên hệ thống | |
| **Mức** | 1 | |
| **Điều kiện tiên quyết** | Quản lý cửa hàng có tài khoản admin cao nhất | |
| **Điều kiện thành công** | Quản lý cửa hàng xem được tất cả thông tin về các thành viên | |
| **Điều kiện thất bại** | Quản lý cửa hàng không xem được tất cả thông tin về các khách hàng | |
| **Tác nhân** | Quản lý cửa hàng | |
| **Điều kiện kích hoạt** | Bấm chọn chức năng Quản lý thành viên | |
| **Luồng sự kiện** | **Bước** | **Hành động** |
| 1 | Quản lý cửa hàng chọn chức quản lý thành viên |
| 2 | Hệ thống truy vấn thông tin các thành viên hiện đang làm việc tại cửa hàng |
| 3 | Hệ thống hiển thị các thành viên đang có trong cửa hàng |
|  | 4 | UC kết thúc |
| **Luồng thay thế** | **Bước** | **Hành động rẽ nhánh** |
| **Các hình thức khác** |  | |

* 1. Biểu đồ Activity

Diagram

Description automatically generated

* 1. Biểu đồ Sequence

Diagram

Description automatically generated

1. Xóa tài khoản thành viên (UC26)
   1. Đặc tả use case

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use case 26** | **Xóa tài khoản cho thành viên** | |
| **Mục tiêu** | Xóa thành công tài khoản của thành viên trong hệ thống | |
| **Mức** | 2 | |
| **Điều kiện tiên quyết** | Quản lý cửa hàng đăng nhập tài khoản admin quyền tối cao thành công | |
| **Điều kiện thành công** | Quản lý cửa hàng xóa được tài khoản các thành viên hiện được chọn | |
| **Điều kiện thất bại** | Tài khoản thành viên không xóa được | |
| **Tác nhân** | Quản lý cửa hàng | |
| **Điều kiện kích hoạt** | Bấm chọn chức năng xóa tài khoản thành viên | |
| **Luồng sự kiện** | **Bước** | **Hành động** |
| 1 | Quản lý chọn chức năng xóa tài khoản thành viên |
| 2 | Hệ thống phản hồi xác nhận xác nhận xóa hay không |
| 3 | Quản lý xác nhận |
| 4 | Hệ thống đưa tài khoản vừa được xác nhận vào thùng rác |
| 5 | UC kết thúc |
| **Luồng thay thế** | **Bước** | **Hành động rẽ nhánh** |
| 3a | Quản lý chọn hoàn tác:           3a1. Hệ thống hiển thị thông báo cho người quản lý hoàn tác thành công |
| **Các hình thức khác** |  | |

* 1. Biểu đồ Activity

Diagram

Description automatically generated

* 1. Biểu đồ Sequence

Diagram

Description automatically generated

1. Tạo khuyến mại (UC27)
   1. Đặc tả use case

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use case 27** | **Tạo khuyến mại** | |
| **Mục tiêu** | Quản lý cửa hàng tạo thành công khuyến mại | |
| **Mức** | 1 | |
| **Điều kiện tiên quyết** | Quản lý cửa hàng có tài khoản admin cao nhất | |
| **Điều kiện thành công** | Là quản lý tạo thành công khuyến mại cho khách hàng | |
| **Điều kiện thất bại** | Khách hàng không có khuyến mại để dùng | |
| **Tác nhân** | Quản lý cửa hàng | |
| **Điều kiện kích hoạt** | Chọn chức năng thêm khuyến mãi | |
| **Luồng sự kiện** | **Bước** | **Hành động** |
| 1 | Quản lý cửa hàng bấm chọn chức năng tạo khuyến mại |
| 2 | Hệ thống hiển thị ra mẫu nhập khuyến mại |
| 3 | Quản lý nhập thông tin vào mẫu khuyến mại |
| 4 | Quản lý gửi yêu cầu tạo khuyến mãi |
| 5 | Hệ thống tạo khuyến mãi |
| 6 | UC kết thúc |
| **Luồng thay thế** | **Bước** | **Hành động rẽ nhánh** |
| 5a | Khuyến mãi đã tồn tại            5a1. Hệ thống thông báo tạo khuyến mại thất bại do đã tồn tại |
| **Các hình thức khác** |  | |

* 1. Biểu đồ Activity

Diagram

Description automatically generated

* 1. Biểu đồ Sequence

Diagram

Description automatically generated with medium confidence